

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2021/DS-ST

Ngày 28/9/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Kiều Diễm

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Anh Hào và bà Cao Thị Lệ Pha

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Quốc Đại, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:** Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2021/TLST-DS, ngày 07 tháng 01 năm 2021, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2021/QĐXXST-ST, ngày 05 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Đồng nguyên đơn:** Chị Huỳnh Ngọc B, sinh năm 1987 và anh Nguyễn Chí N, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

**Người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn:** Chị Nguyễn Việt Q, sinh năm 1985 (theo văn bản ủy quyền ngày 09/12/2020)

Địa chỉ: Số 35, đường L, Khóm 2, phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đồng bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 và chị Trần Thị X (tên gọi khác: Trần Thị D), sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị Q, anh T, chị X có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2020, quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn là Chị Nguyễn Việt Q trình bày:***

Từ năm 2017 đến năm 2020 giữa vợ chồng Chị Huỳnh Ngọc B và anh Nguyễn Chí N và vợ chồng Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị X (tên gọi khác: Trần Thị D) có xảy ra quan hệ cho vay mượn tiền, theo đó vợ chồng chị B, anh N có nhiều lần cho vợ chồng anh T, chị X vay tiền. Khi vay tiền thì các bên không làm biên nhận nợ và lãi suất thỏa thuận là 5% . Đến ngày 13/8/2020, hai bên có đối chiếu tiền nợ gốc và thống nhất số nợ là 962.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận, chị X, anh T có ký xác nhận vào biên nhận nợ. Sau đó, vợ chồng anh T, chị X có trả cho vợ chồng chị B và anh N số tiền nợ gốc 49.000.000 đồng, số tiền còn lại đến nay vẫn chưa thanh toán và cũng chưa trả được kì nợ lãi nào. Chị B, anh N yêu cầu anh T, chị X thanh toán số tiền nợ gốc 913.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi với số tiền 913.000.000 đồng từ ngày 14/8/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm với lãi suất là 1,67% trên tháng. Đến ngày 22/6/2021, chị B và anh N nộp đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, chỉ yêu cầu tính lãi suất 0.83% trên tháng từ ngày 14/8/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn, chị B xác định anh N, chị B yêu cầu anh T, chị X thanh toán số tiền nợ gốc 913.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 0.83% trên tháng từ ngày 14/8/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm

***- Quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay, đồng bị đơn Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị X (tên gọi khác: Trần Thị D) thống nhất trình bày:***

Từ năm 2017 đến năm 2020, giữa vợ chồng Chị Huỳnh Ngọc B và anh Nguyễn Chí N và vợ chồng Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị X có xảy ra quan hệ cho vay mượn tiền, theo đó vợ chồng anh T, chị X có 07 lần vay tiền của vợ chồng anh N, chị B. Khi vay tiền thì các bên không làm biên nhận nợ, chỉ thỏa thuận miệng với lãi suất 9%, 10%, 15% (không nhớ lãi từng đợt vay). Cụ thể:

- + Ngày 20 tháng 5 năm 2017 (âl) vay 65.000.000 đồng.
- + Ngày 25 tháng 5 năm 2017 (âl) vay 12.000.000 đồng.
- + Ngày 12 tháng 6 năm 2017 (âl) vay 35.000.000 đồng.
- + Ngày 20 tháng 7 năm 2017 (âl) vay 10.000.000 đồng.
- + Ngày 20 tháng 9 năm 2017 (âl) vay 65.000.000 đồng.
- + Ngày 20 tháng 2 năm 2018 (âl) vay 30.000.000 đồng.
- + Ngày 18 tháng 6 năm 2018 (âl) vay 70.000.000 đồng.

Sau khi vay tiền, vợ chồng anh chị đóng lãi đầy đủ từ năm 2017 đến đầu năm 2020 với số tiền là 414.000.000 đồng, thì ngưng đóng do gặp khó khăn về kinh tế. Đến ngày 13/8/2020, theo yêu cầu của vợ chồng anh Nguyễn, chị B nên anh T, chị X đã kí nhận nợ xác nhận tiền nợ gốc là 962.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận 15%/tháng, chỉ thỏa thuận miệng về phần lãi suất chứ không viết vào biên nhận. Biên nhận nợ ngày 13/8/2020, không phải vợ chồng anh T, chị X ghi mà là chị B tự ghi và ép buộc hai vợ chồng anh chị kí tên vào, tuy nhiên vợ chồng anh chị không có gì chứng minh cho lời xác định này, chị X xác định trên giấy tờ chị tên Trần Thị Xuyên nhưng ngoài ra chị có tên gọi khác là Diễm nên Trần Thị Diễm đã kí trong biên nhận nợ đúng là chị. Sau khi kí biên nhận nợ ngày 13/8/2020 thì vợ chồng anh chị đã trả cho chị B, anh N số tiền nợ gốc 49.000.000 đồng chứ không phải số tiền 55.000.000 đã trình bày trước đây.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của phía chị B, anh N thì vợ chồng anh T, chị X chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc là 287.000.000 đồng như đã nêu trên, xin phần lãi do kinh tế gặp quá nhiều khó khăn.

*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:  
Về việc tuân theo pháp luật:*

Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:*

Buộc Anh Nguyễn Văn T, chị Trần Thị X phải có nghĩa vụ trả cho anh N, chị B số tiền 913.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh với lãi suất 0,83/tháng tính từ ngày 14/08/2020 đến ngày hôm nay là 102.048.700 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.015.048.700 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày tranh luận của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết: Chị Huỳnh Ngọc B và anh Nguyễn Chí N khởi kiện yêu cầu Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị X (tên gọi khác: Trần Thị D) trả số tiền vay. Anh T, chị X có địa chỉ tại Ấp P, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ qui định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại đơn khởi kiện ngày 30/12/2020, Chị Huỳnh Ngọc B và anh Nguyễn Chí N yêu cầu Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị X (tên gọi khác: Trần Thị D) trả cho anh, chị số tiền vay 913.000.000 đồng và tính lãi suất 1.67% trên tháng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đồng nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu trả số tiền 913.000.000 đồng và tính lãi suất là 0.83% trên tháng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là ý kiến tự nguyện của đồng nguyên đơn, không vượt phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét Chị Huỳnh Ngọc B và anh Nguyễn Chí N yêu cầu Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị X (tên gọi khác: Trần Thị D) trả cho anh chị số tiền vay 913.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án chị Xuyên, anh T cho rằng tổng số nợ vay là 287.000.000 đồng chứ không phải là 962.000.000 đồng và việc anh chị ký vào biên nhận nợ ngày 13/8/2020 là do bị chị B ép ký giấy nhận nợ tuy nhiên anh T, chị X không có chứng cứ gì chứng minh cho lời xác định này.

Hội đồng xét xử xét thấy chị X, anh T thừa nhận có ký nhận nợ số tiền 962.000.000 đồng tại biên nhận nợ đề ngày 13/08/2020 và sau đó đã trả được 49.000.000 đồng tiền nợ gốc; đây là sự thừa nhận của đương sự phù hợp với chứng cứ do người đại diện của anh N, chị B xuất trình nên căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh.

Tại giấy nhận nợ đề ngày 13/08/2020 thể hiện nội dung “ Tôi đứng tên: Nguyễn Văn Thống cùng vợ là Trần Thị Diễm Áp P, xã A, Đông Hải, Bạc Liêu có mượn của vợ chồng anh Nguyễn Chí N và Chị Huỳnh Ngọc B với số tiền là 962 triệu” . Như vậy, có cơ sở xác định ngày 13/8/2020, chị Xuyên, anh T đã có nợ chị B, anh N số tiền nợ gốc là 962.000.000 đồng. Sau đó, vợ chồng anh T, chị D có trả cho vợ chồng chị B và anh N số tiền nợ gốc 49.000.000 đồng nên tổng số nợ gốc còn lại là 913.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn. Buộc anh T, chị X phải có trách nhiệm thanh toán cho anh N, chị B số tiền nợ gốc là 913.000.000 đồng.

[2.3] Xét Chị Huỳnh Ngọc B và anh Nguyễn Chí N yêu cầu Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị X trả tiền lãi 0,83%/năm tính từ ngày 14/8/2020 đến ngày hôm nay (ngày 28/9/2021) cho số tiền nợ gốc 913.000.000 đồng

Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn và đồng bị đơn xác nhận đây là khoản vay có lãi tuy nhiên tại giấy nhận nợ đề ngày 13/8/2020 không thể hiện rõ số tiền lãi là bao nhiêu chỉ ghi “theo lãi suất thỏa thuận”.

Đại diện nguyên đơn xác định không nhớ lãi suất thỏa thuận là bao nhiêu do sau kí giấy nhận nợ ngày 13/8/2020 thì phía anh T, chị X chưa đóng được kì lãi nào. Anh T, chị X thì cho rằng khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 15%/tháng, đã đóng được 414.000.000 đồng tiền lãi từ năm 2017 cho đến năm 2020 nhưng cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Do đồng nguyên đơn và đồng bị đơn có tranh chấp về lãi suất nên căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất được điều chỉnh là 10%/năm. Theo đó, từ ngày 14/8/2020 đến ngày 28/9/2020 thì tiền lãi mà chị Xuyen, anh T phải thanh toán cho chị B, anh N là 102.048.700 đồng.

Trên cơ sở phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Chị Huỳnh Ngọc B và anh Nguyễn Chí N yêu cầu Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị X trả số tiền vay gốc là 913.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 14/8/2020 đến ngày 28/9/2021 là 102.048.700 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.015.048.700 đồng.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do anh T, chị X phải có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ phải thực hiện.

[4]. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 244; Điều 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Huỳnh Ngọc B và anh Nguyễn Chí N.

Buộc Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị X(tên gọi khác: Trần Thị D) có trách nhiệm trả cho Chị Huỳnh Ngọc B và anh Nguyễn Chí N số tiền 1.015.048.700 đồng. (Một tỉ không trăm mười lăm triệu không trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm đồng); trong đó vốn gốc là 913.000.000 đồng và lãi 102.048.700 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi

hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị X phải chịu là 42.451.461 đồng. Chị Huỳnh Ngọc B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 20.725.000 đồng theo biên lai thu số 0008247 ngày 07/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, nay được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp. Các đương sự nhận và nộp án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Phạm Kiều Diễm**